TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 462/2023/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 04 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 636/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2023 giữa:

* *Nguyên đơn*: Anh **Nguyễn Thanh B,** sinh năm: 1972.

Địa chỉ: số A ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn*: chị **Huỳnh Ngọc P,** sinh năm: 1974.

Địa chỉ: số A ấp H, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Nguyễn Thanh B** và chị **Huỳnh Ngọc Ph**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh **Nguyễn Thanh B** và chị **Huỳnh Ngọc P** thuận tình ly hôn. Ghi nhận việc anh B và chị P không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

2.2. Về con chung: có 02 con chung là Nguyễn Thanh A, sinh ngày 25/10/2000 và Nguyễn Thanh K, sinh ngày 12/3/2008. Cháu A đã trưởng thành

nên Tòa án không xét đến. Sau khi ly hôn Anh Nguyễn Thanh B được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cháu K. Chị P không cấp dưỡng nuôi con.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh B và chị P khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét đến.

2.4. Về án phí: Anh B tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001601 ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh B được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS H.C,T. Bến Tre;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- UBND Hữu Định, H. C, T. Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Tuyết